

Đề kiểm tra học kì 1 môn Tiếng Việt 3 năm 2022 - 2023

A. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (4 điểm)

GV cho học sinh bắt thăm đọc một đoạn văn bản trong các phiếu đọc.

Đảm bảo đọc đúng tốc độ, thời gian 3 – 5 phút/ HS.

Dựa vào nội dung bài đọc, GV đặt câu hỏi để học sinh trả lời.

II. Đọc thầm và làm bài tập: (6 điểm)

Đọc đoạn văn sau:

CON GẤU ĐÃ NÓI GÌ VỚI ANH

Một hôm, hai người bạn đang đi trong rừng, thì họ thấy có một con gấu to đi ngang qua. Một người liền chạy trốn ngay, anh ta trèo lên cây nắp. Người còn lại không chạy kịp, anh ta phải đối mặt với con gấu đang đến gần. Anh ta đành nằm xuống, nín thở giả vờ chết. Con gấu lại gần và ngửi vào mặt anh ta, nhưng thấy anh như chết rồi nên nó bỏ đi, không làm hại anh ta.

Khi con gấu đã bỏ đi xa, người bạn ở trên cây tụt xuống. Anh ta hỏi bạn:

- Con gấu nói thầm gì vào tai bạn đấy?.

Người kia nghiêm trang trả lời:

- Nó đã cho tôi một lời khuyên: đừng bao giờ đồng hành cùng một người bỏ rơi anh trong lúc hoạn nạn.

Người kia xấu hổ quá, xin lỗi bạn vì mình đã bỏ bạn lại chạy trốn.

(Nguồn Internet)

Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1: *Khi gặp con gấu to, hai người bạn đã có hành động như thế nào?*
(0,5 điểm)

- A. Cả hai người chạy trốn không kịp nên đành đối mặt với con gấu.
- B. Một người chạy nhanh nên trèo lên cây nắp, người còn lại chạy không

kip nên đành đổi mặt với con gấu.

C. Một người trèo lên cây nắp, người còn lại chạy nhanh bỏ trốn.

Câu 2: “Anh” đã làm gì để thoát chết khỏi con gấu? (0,5 điểm)

A. Giấu mình trong nhánh cây rậm rạp

B. Nằm xuống, nín thở giả vờ chết

C. Rón rén bước, núp vào sau bụi cây.

Câu 3: Vì sao người bạn núp trên cây lại cảm thấy xấu hổ với bạn của mình? (0,5 điểm)

A. Vì đã không trung thực với bạn của mình

B. Vì đã bỏ rơi bạn của mình trong lúc gặp hoạn nạn

C. Vì đã nghi ngờ lòng tốt của bạn.

Câu 4: Trong câu “Người kia xấu hổ quá, xin lỗi bạn vì mình đã bỏ bạn lại chạy trốn.”, có thể thay từ **xấu hổ** bằng từ nào? (0,5 điểm)

A. Hổ thẹn

B. Chê trách

C. Gượng gạo

Câu 5: Qua câu chuyện, em rút ra bài học gì cho bản thân? (1 điểm)

.....
.....
.....

Câu 6: Thế nào là một người bạn tốt? Viết 2 – 3 câu nêu suy nghĩ của em. (1 điểm)

.....
.....
.....

Câu 7: Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp. (0.5 điểm)

Chạy trốn Con gấu Ngủ Nín thở Rừng

Từ ngữ chỉ sự vật:.....

Từ ngữ chỉ hoạt động:.....

Câu 8. *Xác định công dụng của dấu hai chấm trong câu văn dưới đây:
(0,5 điểm)*

*Nó đã cho tôi một lời khuyên: đừng bao giờ đồng hành cùng một người
bỏ rơi anh trong lúc hoạn nạn.*

Công dụng của dấu hai chấm:.....

Câu 9: *Tìm một câu ca dao hoặc tục ngữ chứa cặp từ có nghĩa trái
ngược nhau. (1 điểm)*

.....

B. PHẦN KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

1. Nghe – viết (4 điểm)

Quà của bố

Bố em là bộ đội
Ở tận vùng đảo xa
Chưa lần nào về phép
Mà luôn luôn có quà.

Bố gửi nghìn cái nhớ
Gửi cả nghìn cái thương
Bố gửi nghìn lời chúc
Gửi cả nghìn cái hôn.

Bố cho quà nhiều thế
Vì biết em rất ngoan
Vì em luôn giúp bố
Tay súng luôn vững vàng.

(Sưu tầm)

2. Luyện tập (6 điểm)

Viết đoạn văn (5 – 7 câu) giới thiệu về một đồ dùng học tập cần thiết khi em học môn Tiếng Việt.

Gợi ý:

Đồ dùng học tập em muốn giới thiệu là gì?

Đồ dùng đó có đặc điểm gì?

Em dùng đồ dùng học tập đó như thế nào?

Đồ dùng học tập đó đã giúp ích cho em như nào khi học môn Tiếng Việt?

Đáp án đề kiểm tra học kì 1 môn Tiếng Việt 3 năm 2022 - 2023

A. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm)

B. Một người chạy nhanh nên trèo lên cây nắp, người còn lại chạy không kịp nên đành đối mặt với con gấu.

Câu 2: (0,5 điểm)

B. Nằm xuống, nín thở giả vờ chết

Câu 3: (0,5 điểm)

A. Vì con gấu tưởng rằng anh ta đã chết.

Câu 4: (0,5 điểm)

A. Hồ thẹn

Câu 5: (1 điểm)

Bài học: Một người bạn tốt luôn quan tâm, giúp đỡ bạn mình trong những lúc khó khăn, hoạn nạn, không bỏ rơi bạn.

Câu 6: (1 điểm)

Ví dụ: *Trong cuộc sống, một người bạn tốt là người biết giúp đỡ, quan tâm, chia sẻ và dành cho nhau những lời khuyên tốt nhất,...*

Câu 7: (0,5 điểm)

Từ ngữ chỉ sự vật: con gấu, rừng.

Từ ngữ chỉ hoạt động: chạy trốn, ngủ, nín thở.

Câu 8: (0,5 điểm)

Công dụng của dấu hai chấm: báo hiệu lời nói trực tiếp.

Câu 9: (1 điểm)

Ví dụ: *Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng,...*

B. PHẦN KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

1. Chính tả (4 điểm)

- Viết đúng kiểu chữ thường, cỡ nhỏ (0,5 điểm):

0,5 điểm: viết đúng kiểu chữ thường và cỡ nhỏ.

0,25 điểm: viết chưa đúng kiểu chữ hoặc không đúng cỡ chữ nhỏ.

- Viết đúng chính tả các từ ngữ, dấu câu (3 điểm):

Viết đúng chính tả, đủ, đúng dấu: 3 điểm

2 điểm: nếu có 0 - 4 lỗi;

Tùy từng mức độ sai để trừ dần điểm.

- Trình bày (0,5 điểm):

0,5 điểm: nếu trình bày đúng theo mẫu, chữ viết sạch và rõ ràng.

0,25 điểm: nếu trình bày không theo mẫu hoặc chữ viết không rõ nét, bài tẩy xóa vài chỗ.

2. Luyện tập (6 điểm)

Viết được một đoạn văn từ 5 câu trở lên, kể về một đồ dùng học tập của em, câu văn viết đủ ý, trình bày bài sạch đẹp, rõ ràng: 6 điểm.

Tùy từng mức độ bài viết trừ dần điểm nếu bài viết không đủ ý, trình bày xấu, không đúng nội dung yêu cầu